

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ - PT

Ngày 11 – 9 - 2020

V/V Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuyển

Các thẩm phán: Ông Trần Hữu Sỹ và ông Võ Bá Lưu

Thư ký Tòa án: Đào Thị Lệ Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại phòng xét xử án Dân sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 12/2020/TLPT -HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020, về việc ly hôn. Do bản án dân sự sơ thẩm 05/2020/HNGĐ-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1104/2020/QĐ-PT ngày 03/5/2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thanh T, sinh năm 1988

Nơi đăng ký NKTT: K 5, phường B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình. Hiện trú tại: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Trần Trung T1, sinh năm 1985

Địa chỉ: K 5, phường B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Cao Thanh T, trình bày:*

Chị Cao Thanh T và anh Trần Trung T1 có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ (nay là thị xã Đ) tỉnh Quảng Bình vào ngày 09/10/2012. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nên thường xảy ra cãi vã, trong cách sinh hoạt và dạy dỗ con cái thường xuyên bất đồng quan điểm. Cuối năm 2019, anh T1 có hành vi đập phá tài sản nhà bố mẹ chị nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm gì đến ai nữa. Chị T nhận thấy tình

cảm đối với anh T không còn nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn để sớm ổn định cuộc sống của bản thân.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Cao Hưng L, sinh ngày 30/3/2013. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh tin cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ gì của ai và không ai nợ của vợ chồng.

** Bị đơn anh Trần Trung T1 tại bản tự khai và tại các phiên hoà giải, trình bày:* Anh và chị Cao Thanh T có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân như chị T trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến tháng 1/2019 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã, tình cảm rạn nứt và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị T làm đơn ly hôn anh không đồng ý, anh có nguyện vọng để vợ chồng trở về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh thống nhất như chị T trình bày, vợ chồng có 01 con chung là Trần Cao Hưng L, sinh ngày 30/3/2013. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ gì của ai và không nợ vợ chồng.

Tại bản án sơ thẩm số 05/2020/HNGĐ-ST ngày 21/5/2020 của TAND thị xã Ba Đồn đã tuyên xử:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 22, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thanh T, xử: Cho chị Cao Thanh T được ly hôn anh Trần Trung T.

2. Về quan hệ con chung: Xử buộc anh T giao con chung là Trần Cao Hưng L, sinh ngày 30/3/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Thanh không yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét

Ngoài ra bản án còn tuyên buộc nguyên đơn phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 02/6/2020, anh Trần Trung T có kháng cáo với nội dung: Kháng cáo bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, với các lý do: Việc Toà án sơ thẩm xử cho anh Trần Trung T1 và chị Cao Thanh T ly hôn anh không đồng ý vì anh đang muốn níu kéo hạnh phúc gia đình, gia đình anh

vẫn đang hạnh phúc, những lý do mà chị T đưa ra để đơn phương ly hôn anh không đồng ý. Nếu chị T vẫn muốn ly hôn thì anh xin được nuôi con.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm tại phiên toà phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật; Các đương thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS để giữ y án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trần Trung T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay nguyên đơn chị Cao Thanh T không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo bị đơn anh Trần Trung T1 không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2020 của nguyên đơn chị Cao Thanh T về việc yêu cầu Toà án giải ly hôn với anh Trần Trung T1 có địa chỉ cư trú tại Khu phố 5 phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Ngày 07/02/2020, Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn đã thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng thẩm quyền, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Trần Trung T1, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thanh T và anh Trần Trung T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ (nay là thị xã Đ) tỉnh Quảng Bình vào ngày 09/10/2012 là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn chị Cao Thanh T thì quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nên thường xảy ra cãi vã. Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cách sinh hoạt và dạy dỗ con cái. Cuối năm 2019, anh T1 có hành vi đập phá tài sản nhà bố mẹ chị nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm gì đến ai nữa. Chị T1 nhận thấy tình cảm đối với anh T1 không còn nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn để sớm ổn định cuộc sống của bản thân. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành hoà giải nhưng không thành. Sau khi xem xét đến ý kiến, nguyện vọng của vợ chồng anh T1, chị T1, xét thấy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được nên đã xử cho anh chị được ly hôn.

Việc anh Trần Trung T1 kháng cáo và trình bày của anh tại phiên toà phúc thẩm hôm nay anh vẫn muốn níu kéo hạnh phúc gia đình, không muốn ly hôn. Tuy nhiên, từ sau khi xét xử sơ thẩm cho đến nay, tình cảm vợ chồng vẫn không cải

thiện được, anh T không xuất trình được chứng cứ gì để chứng minh sự cố gắng cải thiện tình cảm của vợ chồng mình mà ngược lại chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Với hành vi huỷ hoại tài sản tại nhà bố mẹ chị T, trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm thì ngày 19/8/2020 anh T1 đã bị ND thị xã Đ xét xử về tội “cố ý làm hư hỏng tài sản”. Chị T thấy tình cảm vợ chồng không thể níu kéo được, chị tha thiết đề nghị Hội đồng giữ y án sơ thẩm để chị sớm ổn định cuộc sống để nuôi dạy con cái. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy tình cảm của anh T1, chị T không có khả năng hàn gắn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên cần giữ y án sơ thẩm để chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh T1, chị T thống nhất có 01 con chung là Trần Cao Hưng L, sinh ngày 30/3/2013. Khi xét xử, Toà án sơ thẩm đã giao con chung là cháu Trần Cao Hưng L cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu. Việc anh T1 kháng cáo xin được nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, Toà án đã lấy ý kiến của cháu L và cháu đã có nguyện vọng xin được ở với mẹ, chị T có việc làm và thu nhập ổn định, chị T cam đoan đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con. Tại phiên toà phúc thẩm, anh T1 và chị T thừa nhận trước khi mở phiên toà phúc thẩm anh chị đã thoả thuận dành quyền nuôi con cho chị T. Vì vậy, Hội đồng phúc thẩm thấy việc Toà án sơ thẩm đã giao con chung cho chị Thanh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp .

Từ [2.1] và [2.2] Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trần Trung T1 mà cần giữ y án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Giữ nguyên các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, cáo nghị.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị đơn anh Trần Trung T1 không được chấp nhận nên phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trần Trung T1, xử:

1. Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thanh T1, xử: Cho chị Cao Thanh T1 được ly hôn anh Trần Trung T1.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là Trần Cao Hưng L, sinh ngày 30/3/2013 cho chị Thanh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Anh Trần Trung T1 phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm kháng cáo anh đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006907 ngày 18/6/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Anh Tín đã nộp đủ.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- TAND thị xã Ba Đồn
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND phường Ba Đồn;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tuyển

